

Số: 72 /2016/CBTT-TCKT
(V/v: Công bố thông tin BCTC
hợp nhất bán niên soát xét năm 2016)

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2016.

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**
2. Mã chứng khoán: **S99**
3. Trụ sở chính: **T3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội**
4. Điện thoại: **(84.4) 3 768 4495** Fax: **(84.4) 3 768 4490**
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Cao Lữ Phi Hùng – Kế toán trưởng**
6. Nội dung của thông tin công bố :

Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét năm 2016 của Công ty cổ phần SCI được kiểm toán ký ngày 29/08/2016 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính : **www.sci.pro.vn**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- P.TCKT, HCNS

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lương Thanh Tùng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
Phường Mỹ Tri, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	05-43
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10-43

M.S.D.N

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SCI (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần SCI (tên cũ là Công ty Cổ phần Sông Đà 909), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 06 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	
Ông Lê Việt Dũng	Ủy viên	
Ông Lương Thanh Tùng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Văn Phúc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/04/2016
Ông Đoàn Thế Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/04/2016
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29/04/2016
Ông Lê Tiến Nam	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29/04/2016

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lương Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	
Ông Đoàn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quốc Chế	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/06/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phan Dương Mạnh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 05/05/2016
Ông Nguyễn Đức Lương	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 25/04/2016
Ông Phan Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/04/2016
Ông Trần Kim Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/04/2016
Bà Lê Thị Minh Huyền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/04/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trí,
Phường Mỹ Trí, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2016

Số: 1840/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần SCI

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần SCI được lập ngày 30 tháng 07 năm 2016, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2016

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

A member of **HLB** International

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Đình,
Phường Mỹ Đình, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		612.109.331.387	640.034.028.945
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	68.659.167.093	32.717.881.915
111	1. Tiền		68.659.167.093	32.717.881.915
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	206.575.683.486	197.273.062.978
121	1. Chứng khoán kinh doanh		130.343.411.655	205.817.372.392
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(4.017.728.169)	(8.794.309.414)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		80.250.000.000	250.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		166.438.815.416	272.898.223.429
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	140.580.074.505	169.648.675.694
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	11.030.262.976	12.719.089.882
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	2.000.000.000	2.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	34.535.710.712	95.753.983.305
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(21.707.232.777)	(7.223.525.452)
140	IV. Hàng tồn kho	10	161.668.693.904	131.028.012.622
141	1. Hàng tồn kho		161.689.731.436	131.049.050.154
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(21.037.532)	(21.037.532)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.766.971.488	6.116.848.001
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	749.904.881	814.073.323
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.874.579.300	5.302.774.678
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	142.487.307	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		246.015.072.120	213.081.609.218
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		9.420.054.750	2.613.353.500
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	6	8.893.554.750	2.385.353.500
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	526.500.000	228.000.000
220	II. Tài sản cố định		102.396.931.429	96.516.968.546
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	102.281.306.472	96.395.093.587
222	- Nguyên giá		188.109.473.694	173.846.712.595
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(85.828.167.222)	(77.451.619.008)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	115.624.957	121.874.959
228	- Nguyên giá		342.500.000	342.500.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(226.875.043)	(220.625.041)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		41.597.629.046	27.365.439.011
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	41.597.629.046	27.365.439.011
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	85.550.000.000	80.550.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		85.550.000.000	80.550.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		7.050.456.895	6.035.848.161
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	7.050.456.895	6.035.848.161
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		858.124.403.507	853.115.638.163

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trí,
Phường Mỹ Trí, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		356.363.291.542	364.717.240.654
310	I. Nợ ngắn hạn		235.387.615.793	253.206.869.403
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	34.605.260.371	42.535.354.454
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	34.263.096.954	44.886.940.183
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	6.419.026.488	11.610.173.332
314	4. Phải trả người lao động		11.431.139.958	16.745.494.772
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	1.554.335.164	3.308.567.379
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	26.373.673.581	33.063.031.662
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	118.278.914.332	99.467.812.298
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.462.168.945	1.589.495.323
330	II. Nợ dài hạn		120.975.675.749	111.510.371.251
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	56.815.000	56.815.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	117.942.697.026	108.524.460.928
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.a	2.976.163.723	2.929.095.323
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		501.761.111.965	488.398.397.509
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	501.761.111.965	488.398.397.509
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		370.000.000.000	370.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		370.000.000.000	370.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		982.166.000	982.166.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.226.367.080	8.192.087.059
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		59.410.095.625	48.166.320.441
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		46.440.276.409	19.910.709.704
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		12.969.819.216	28.255.610.737
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		62.142.483.260	61.057.824.009
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		858.124.403.507	853.115.638.163

Đặng Đôn Triển
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng

Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	112.934.950.854	26.698.271.047
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	73.526.835
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		112.934.950.854	26.624.744.212
11	4. Giá vốn hàng bán	24	91.223.394.128	22.707.580.363
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.711.556.726	3.917.163.849
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	54.478.394.591	24.110.925.007
22	7. Chi phí tài chính	26	27.146.143.219	17.344.666.026
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		11.542.434.087	1.160.570.672
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	32.152.112.315	6.156.371.969
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		16.891.695.783	4.527.050.861
31	12. Thu nhập khác	28	1.195.029.473	7.924.111.550
32	13. Chi phí khác	29	830.556.844	278.276.129
40	14. Lợi nhuận khác		364.472.629	7.645.835.421
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.256.168.412	12.172.886.282
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	2.327.083.576	2.685.636.089
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	31.b	47.068.400	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		14.882.016.436	9.487.250.193
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		13.132.721.174	9.487.250.193
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		1.749.295.262	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	355	495

11
CƠ
CH
NG
A
DAN

Đặng Đôn Triển
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		17.256.168.412	12.172.886.282
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		8.688.448.531	2.223.724.714
03	- Các khoản dự phòng		9.707.126.080	15.956.636.151
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(8.796.538.207)	(9.148.344.963)
06	- Chi phí lãi vay		11.542.434.087	1.160.570.672
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		38.397.638.903	22.365.472.856
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		85.258.151.954	(101.502.922.370)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(30.640.681.282)	(4.784.839.251)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(32.713.060.016)	11.240.143.173
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(950.440.292)	461.434.792
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		75.473.960.737	(156.644.879.883)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(11.617.158.355)	(1.157.274.727)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.205.230.516)	(4.070.445.695)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(483.726.400)	(6.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		115.519.454.733	(234.099.311.105)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(28.800.601.449)	(3.795.867.909)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	40.878.498.179
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(80.000.000.000)	-
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(5.000.000.000)	(15.052.870.000)
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.993.093.762	1.737.018.997
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(107.807.507.687)	23.766.779.267
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	245.030.710.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		150.938.294.741	8.475.500.947
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(122.708.956.609)	(6.361.524.730)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		28.229.338.132	247.144.686.217
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		35.941.285.178	36.812.154.379

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		32.717.881.915	15.006.939.754
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	68.659.167.093	51.819.094.133

Đặng Đôn Triển
Người lập



Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng

Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2016

CHỖ
DẤU
T.Đ.
IP.H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI (tên cũ là Công ty Cổ phần Sông Đà 909), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 06 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 370.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 370.000.000.000 đồng; tương đương 37.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ liên quan đến xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Gia công cơ khí;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất, kinh doanh phụ tùng ô tô;
- Kinh doanh máy xây dựng;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ xây dựng;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà ở và văn phòng cho thuê;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Nhận thầu thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, buro điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây và trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, lắp đặt hệ thống điện lạnh, nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Cấu trúc Tập đoàn

- Tổng số Công ty con:
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 02 Công ty
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất: không có
- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Hà Nội	51,00%	51,00%	Chế tạo, lắp đặt cơ khí, xây dựng công trình và hạ tầng
Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An	Nghệ An	100,00%	100,00%	Xây dựng thủy điện

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trí,
Phường Mỹ Trí, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh”.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Hàng tồn kho (tiếp theo)

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Phần mềm kế toán	20	năm
- Nhân hiệu, thương hiệu	20	năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

- b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.247.418.896	1.074.159.430
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	67.411.748.197	31.643.722.485
	<u>68.659.167.093</u>	<u>32.717.881.915</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000
- Hợp đồng ủy thác đầu tư (*)	80.000.000.000	80.000.000.000	-	-
	80.250.000.000	80.250.000.000	250.000.000	250.000.000

(*) Số dư phản ánh khoản ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần Quản lý quỹ IB theo hợp đồng quản lý đầu tư số 10/2016/HĐQL/IBFM-SCI ngày 27/06/2016 và số 11/2016/HĐQL/IBFM-S99 ngày 28/06/2016. Tại thời điểm 30/06/2016, danh mục ủy thác đầu tư của Công ty là 80 trái phiếu doanh nghiệp, với tổng giá trị là 80 tỷ đồng.

b) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	130.343.411.655	141.854.243.400	(4.017.728.169)	205.817.372.392	242.370.013.500	(8.794.309.414)
GEX	12.064.769.965	12.389.650.000	-	106.786.671.886	138.690.000.000	-
PCT	18.212.390.992	22.038.450.000	-	18.212.390.992	23.717.570.000	-
SDA	7.410.000.000	6.846.661.400	(563.338.600)	7.410.000.000	7.366.661.000	(43.339.000)
STG	-	-	-	26.271.046.600	34.109.390.000	-
VHG	-	-	-	41.656.800.000	33.707.700.000	(7.949.100.000)
CAV	21.067.460.129	32.014.470.000	-	-	-	-
SWC	52.897.000.000	51.332.000.000	(1.565.000.000)	-	-	-
DDV	5.401.440.000	4.766.150.000	(635.290.000)	-	-	-
CJC	3.903.900.000	3.822.000.000	(81.900.000)	3.903.900.000	4.004.000.000	-
MHC	6.192.780.000	5.486.592.000	(706.188.000)	-	-	-
Cổ phiếu khác	3.193.670.569	3.158.270.000	(466.011.569)	1.576.562.914	774.692.500	(801.870.414)
	130.343.411.655	141.854.243.400	(4.017.728.169)	205.817.372.392	242.370.013.500	(8.794.309.414)

(*) Cơ sở xác định giá trị hợp lý các chứng khoán kinh doanh của Công ty là giá thị trường trên sàn Hà Nội, sàn Hồ Chí Minh và sàn Upcom lần lượt tại thời điểm 30/06/2016 và 01/01/2016.

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
Phường Mỹ Tri, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

30/06/2016		01/01/2016	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
VND	VND	VND	VND
550.000.000	-	550.000.000	-
37.000.000.000	-	37.000.000.000	-
18.000.000.000	-	13.000.000.000	-
30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
85.550.000.000	-	80.550.000.000	-

(*) Theo Biên bản thỏa thuận góp vốn ngày 03/09/2015 về việc thành lập Quỹ đầu tư khám phá giá trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam giữa Công ty Cổ phần SCI với Công ty Cổ phần Chứng khoán IB, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện và Công ty Cổ phần FTG Việt Nam:

- Thời gian hoạt động của quỹ: 05 năm;
- Vốn điều lệ dự kiến: 100 tỷ đồng. Vốn thực góp tại 30/06/2016 là 100 tỷ đồng;
- Vốn cam kết góp của Công ty Cổ phần SCI: 30 tỷ đồng;
- Lĩnh vực và mục tiêu đầu tư: Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu chưa niêm yết, các doanh nghiệp IPO, các doanh nghiệp thoái vốn Nhà nước, trở thành cổ đông lớn trong các doanh nghiệp dự định đầu tư.

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	Hà Nội	14,29%	14,29%	Phát triển dự án và thi công xây dựng
- Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Lai Châu	8,00%	8,00%	Đầu tư, thi công thủy điện

- Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà là khoản ủy thác đầu tư qua Tổng Công ty Sông Đà.

1981年12月

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Sông Đà 9	5.266.264.520	13.407.291.679
- Ban Điều hành thủy điện Sơn La	19.873.789.401	19.598.923.915
- Ban Điều hành Dự án thủy điện Lai Châu	10.054.517.230	8.901.147.230
- VPĐD Tổng Công ty Sông Đà - BDH dự án Thủy điện Lai Châu	16.079.893.654	27.486.125.562
- Công ty Cổ phần Licogi 13	8.343.046.996	15.643.046.996
- Công ty Cổ phần Sông Đà 5	10.779.400.980	12.922.369.957
- Chi nhánh TCT CP Dịch vụ KT Dầu khí Việt Nam - Ban điều hành Nhiệt điện Long Phú	27.451.913.858	11.321.376.061
- Các khoản phải thu khách hàng khác	42.731.247.866	60.368.394.294
	140.580.074.505	169.648.675.694

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH Long Hoa	2.553.753.000	(766.125.900)	2.553.753.000	-
Công ty Cổ phần tư vấn phát triển năng lượng Việt Nam	840.000.000	(840.000.000)	840.000.000	(840.000.000)
Công ty Cổ phần xây dựng số Một Việt Hưng	1.114.829.800	-	2.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ cao	825.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	5.696.680.176	(588.533.472)	7.125.336.882	(452.460.000)
	11.030.262.976	(2.194.659.372)	12.719.089.882	(1.292.460.000)
b) Dài hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đại Phát	3.962.814.500	-	1.425.150.000	-
Trả trước cho người bán khác	4.930.740.250	-	960.203.500	-
	8.893.554.750	-	2.385.353.500	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thành Vinh (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
	2.000.000.000	2.000.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

(*) Hợp đồng vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh số 01/HĐTD ngày 04/12/2015 và phụ lục hợp đồng ngày 25/03/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 2.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay;
- + Thời hạn của hợp đồng: 04 tháng, được gia hạn thêm 03 tháng đến ngày 03/07/2016;
- + Lãi suất cho vay: 8,5%/năm.

8 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ tức và lãi trái phiếu	1.111.666.667	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.705.000.000	-	13.222.222	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	6.451.250	-	7.604.700	-
Tạm ứng	25.266.677.059	(4.313.762.577)	22.913.460.736	-
Ký cược, ký quỹ	16.000.000	-	1.016.000.000	-
Phải thu tiền bán cổ phiếu	-	-	49.371.276.750	-
Phải thu tiền giao dịch tại các Công ty Chứng khoán	86.319.495	-	13.787.751.851	-
Phải thu tiền vật tư tạm ứng cho các công trình	1.990.236.924	-	1.166.850.555	-
Công ty CP Sản xuất thương mại và KT toàn cầu Hitec	1.298.150.000	-	1.298.150.000	-
Phải thu các đội thi công của Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An	-	-	2.255.563.165	-
Phải thu khác	3.055.209.317	(98.738.125)	3.924.103.326	(28.311.032)
	34.535.710.712	(4.412.500.702)	95.753.983.305	(28.311.032)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	526.500.000	-	228.000.000	-
	526.500.000	-	228.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

9 . NỢ XẤU

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
- Ban điều hành Thủy điện Sơn La - Công trình Thủy điện Nậm Chiến	14.013.038.180	6.798.172.282	12.373.818.927	8.661.673.249
- Ban Quản lý dự án xây dựng công trình cơ sở 2 - Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	4.972.620.000	2.141.336.254	-	-
- Các khoản khác	18.050.446.150	6.389.363.017	3.970.430.742	459.050.968
	37.036.104.330	15.328.871.553	16.344.249.669	9.120.724.217

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	24.212.475.056	(21.037.532)	14.374.339.742	(21.037.532)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	137.477.256.380	-	116.674.710.412	-
- Công trình thủy điện Lai Châu	15.255.088.042	-	17.171.525.265	-
- Công trình QL1 - Phú Yên	11.888.807.535	-	11.842.870.189	-
- Công trình đường Hồ Chí Minh - Đà Nẵng	8.968.154.128	-	14.605.457.085	-
- Công trình bến nhập thiết bị Nhiệt điện Long Phú	8.752.745.630	-	26.191.664.095	-
- Hàng mục đóng cọc nhà máy Nhiệt điện Long Phú	67.246.063.671	-	24.492.071.707	-
- Công trình Thủy điện Canan	-	-	682.317.124	-
- Các công trình khác	25.366.397.374	-	21.688.804.947	-
	161.689.731.436	(21.037.532)	131.049.050.154	(21.037.532)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	41.597.629.046	22.939.574.871
- Dự án Mỏ đá Nhà Lương, Mỏ đá núi Chua - Công ty Cổ phần Sông Đà Hồng Lĩnh ⁽¹⁾	1.993.741.819	1.993.741.819
- Chi phí xây dựng văn phòng tại Đà Nẵng	1.213.907.221	1.213.907.221
- Dự án công trình Thủy điện Canan ⁽²⁾	38.299.070.915	19.731.925.831
- Dự án Thủy điện Nậm Xe ⁽³⁾	27.272.727	-
- Dự án Thủy điện Nậm Lùm ⁽³⁾	63.636.364	-
Nâng cấp tài sản cố định	-	2.939.971.140
- Máy móc thiết bị	-	2.939.971.140
Mua sắm tài sản cố định	-	390.000.000
- Ô tô tải có cần cầu Hyundai	-	390.000.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	1.095.893.000
- Máy móc thiết bị	-	30.000.000
- Xe ô tô tại công trình	-	1.065.893.000
	41.597.629.046	27.365.439.011

(1) Dự án mỏ đá Nhà Lương và dự án khai thác mỏ đất san lấp núi Chua được khởi công xây dựng từ năm 2010 với tổng mức đầu tư dự kiến lần lượt là 43,18 tỷ đồng và 27,80 tỷ đồng, thời gian thi công dự kiến là đến quý IV/2012 đi vào khai thác. Tuy nhiên, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã cho tạm dừng dự án để cho phép một doanh nghiệp khác thực hiện Đề án xây dựng Thiền viện Trúc lâm Hồng Lĩnh. Theo đó, UBND tỉnh Hà Tĩnh sẽ ưu tiên cho Công ty có mỏ đá khảo sát tại vị trí mới, đồng thời sẽ tính toán kinh phí bồi thường và hỗ trợ cho Công ty. Tại thời điểm 30/06/2016, dự án vẫn đang tạm dừng để chờ các quyết định phê duyệt dự án cũng như phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho Công ty.

(2) Dự án công trình thủy điện Ca Nan do Công ty TNHH Năng lượng Sovico - Nghệ An là chủ đầu tư. Căn cứ theo giấy chứng nhận đầu tư số 4586247383 chứng nhận lần đầu ngày 14 tháng 09 năm 2009, chứng nhận thay đổi lần ba ngày 25 tháng 07 năm 2016 dự án có tổng mức đầu tư là 810.842.000.000 đồng, dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng từ Quý I năm 2018. Tới thời điểm 30/06/2016 dự án đã phát sinh các chi phí liên quan đến tư vấn, thiết kế và làm đường đi vào nhà máy.

(3) Dự án thủy điện Nậm Xe và dự án thủy điện Nậm Lùm được phê duyệt nghiên cứu khảo sát, lập dự án đầu tư theo Nghị quyết số 01a/2016/NQ-HĐQT ngày 05/01/2016. Tại thời điểm 30/06/2016, chi phí của dự án bao gồm các chi phí nghiên cứu, tư vấn, khảo sát, thăm dò dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	11.221.128.927	102.281.552.422	59.680.102.455	663.928.791	173.846.712.595
- Mua trong kỳ	-	11.249.181.818	390.000.000	-	11.639.181.818
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.919.284.596	1.009.945.000	-	2.929.229.596
- Phân loại lại	-	(7.487.543.905)	7.487.543.905	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(114.285.714)	-	(191.364.601)	(305.650.315)
Số dư cuối kỳ	11.221.128.927	107.848.189.217	68.567.591.360	472.564.190	188.109.473.694
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.237.108.792	45.458.804.386	25.219.762.618	535.943.212	77.451.619.008
- Khấu hao trong kỳ	140.264.112	4.955.987.875	3.553.601.478	32.345.064	8.682.198.529
- Phân loại lại	-	(7.695.776.415)	7.695.776.415	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(114.285.714)	-	(191.364.601)	(305.650.315)
Số dư cuối kỳ	6.377.372.904	42.604.730.132	36.469.140.511	376.923.675	85.828.167.222
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	4.984.020.135	56.822.748.036	34.460.339.837	127.985.579	96.395.093.587
Tại ngày cuối kỳ	4.843.756.023	65.243.459.085	32.098.450.849	95.640.515	102.281.306.472

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 90.287.992.518 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23.472.036.578 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Nhãn hiệu, thương hiệu VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	92.500.000	250.000.000	342.500.000
Số dư cuối kỳ	92.500.000	250.000.000	342.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	92.500.000	128.125.041	220.625.041
- Khấu hao trong kỳ	-	6.250.002	6.250.002
Số dư cuối kỳ	92.500.000	134.375.043	226.875.043
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	121.874.959	121.874.959
Tại ngày cuối kỳ	-	115.624.957	115.624.957

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	44.990.150	17.694.774
Chi phí trả trước về thuê văn phòng và bếp ăn	202.537.626	155.387.034
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	502.377.105	640.991.515
	749.904.881	814.073.323
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa văn phòng	4.857.819.443	4.574.337.394
Phí tư vấn thiết kế Logo và Slogan	284.175.833	401.765.833
Phí dịch vụ quản lý chứng khoán	166.666.667	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.120.499.923	972.222.601
Chi phí trả trước dài hạn khác	621.295.029	87.522.333
	7.050.456.895	6.035.848.161

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần DVC Việt Nam	3.446.885.322	3.446.885.322	9.891.962.371	9.891.962.371
Công ty TNHH Đại Minh	3.931.468.466	3.931.468.466	4.832.027.136	4.832.027.136
Công ty TNHH Hoàng Sơn	5.304.400.000	5.304.400.000	2.499.040.000	2.499.040.000
Phải trả các đối tượng khác	21.922.506.583	21.922.506.583	25.312.324.947	25.312.324.947
	34.605.260.371	34.605.260.371	42.535.354.454	42.535.354.454

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÃN HẠN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	-	884.000.000
Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sông Đà	-	600.000.000
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật dầu khí Việt Nam	24.248.344.946	33.329.603.077
Các đối tượng khác	10.014.752.008	10.073.337.106
	<u><u>34.263.096.954</u></u>	<u><u>44.886.940.183</u></u>

111
CÔ
TRÁCH
HÃN
ĐẠI
LIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	264.924.894	2.028.145.744	2.218.912.365	12.377.288	86.535.561
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	10.712.145.991	2.327.083.576	7.205.230.516	-	5.833.999.051
Thuế Thu nhập cá nhân	-	235.202.749	689.346.715	618.969.117	-	305.580.347
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	286.759.450	36.923.670	453.793.139	130.110.019	-
Các loại thuế khác	-	5.190.507	4.000.000	4.000.000	-	5.190.507
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	105.949.741	100.579.933	18.808.652	-	187.721.022
	-	11.610.173.332	5.186.079.638	10.519.713.789	142.487.307	6.419.026.488

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trí,
Phường Mỹ Trí, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	275.312.219	350.036.487
- Tiền vật tư sử dụng quá định mức phải trả	470.085.917	470.085.917
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn công trình, thuê ca máy	272.463.728	2.141.744.445
- Chi phí phải trả khác	536.473.300	346.700.530
	1.554.335.164	3.308.567.379

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	466.339.142	400.381.977
- Bảo hiểm xã hội	734.107.200	375.391.891
- Bảo hiểm y tế	-	9.142.610
- Bảo hiểm thất nghiệp	23.707.080	20.260.000
- Phải trả vật tư tạm nhập trong năm	3.647.775.000	1.024.496.181
- Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	16.414.850	3.782.722
- Phải trả thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	267.000.000	831.298.041
- Phải trả tiền mua quyền mua cổ phiếu	-	17.450.909.300
- Phải trả tiền giao dịch ký quỹ tại công ty chứng khoán	18.153.134.166	8.012.447.697
- Ứng trước tiền bán chứng khoán	-	1.857.482.664
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.065.196.143	3.077.438.579
	26.373.673.581	33.063.031.662
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	56.815.000	56.815.000
	56.815.000	56.815.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	90.477.100.086	90.477.100.086	129.481.794.741	115.469.488.495	104.489.406.332	104.489.406.332
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (1)	80.583.783.011	80.583.783.011	102.078.972.312	92.218.472.839	90.444.282.484	90.444.282.484
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (2)	9.893.317.075	9.893.317.075	27.402.822.429	23.251.015.656	14.045.123.848	14.045.123.848
Nợ dài hạn đến hạn trả Ngân hàng	8.990.712.212	8.990.712.212	11.241.263.902	6.442.468.114	13.789.508.000	13.789.508.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (3)	7.620.512.212	7.620.512.212	7.368.163.902	5.757.368.114	9.231.308.000	9.231.308.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (4)	1.370.200.000	1.370.200.000	3.873.100.000	685.100.000	4.558.200.000	4.558.200.000
	99.467.812.298	99.467.812.298	140.723.058.643	121.911.956.609	118.278.914.332	118.278.914.332

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn ngân hàng	32.515.173.140	32.515.173.140	21.456.500.000	7.239.468.114	46.732.205.026	46.732.205.026
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (3)	28.316.223.140	28.316.223.140	4.597.500.000	5.757.368.114	27.156.355.026	27.156.355.026
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (4)	4.198.950.000	4.198.950.000	16.859.000.000	1.482.100.000	19.575.850.000	19.575.850.000
Trái phiếu thường (*)	85.000.000.000	85.000.000.000	-	-	85.000.000.000	85.000.000.000
	<u>117.515.173.140</u>	<u>117.515.173.140</u>	<u>21.456.500.000</u>	<u>7.239.468.114</u>	<u>131.732.205.026</u>	<u>131.732.205.026</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(8.990.712.212)	(8.990.712.212)	(11.241.263.902)	(6.442.468.114)	(13.789.508.000)	(13.789.508.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>108.524.460.928</u>	<u>108.524.460.928</u>			<u>117.942.697.026</u>	<u>117.942.697.026</u>

(*) Trong năm 2015, Công ty phát hành 85 trái phiếu tại ngày 25/12/2015 với kỳ hạn 36 tháng với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu. Lãi suất áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 10%/năm, các kỳ sau được điều chỉnh theo lãi suất ngân hàng tại từng thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn hợp đồng	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2016	Mục đích vay
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây			90.444.282.484	
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/283367/HĐTD ngày 09 tháng 10 năm 2015	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể, lãi suất của các khoản vay tại 30/06/2016 là 8,3%	Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 30/06/2017, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	90.444.282.484	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh			14.045.123.848	
	Hợp đồng cấp tín dụng số 15106/HM/HĐTD.DAH ngày 29 tháng 06 năm 2015	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể, lãi suất của các khoản vay tại 30/06/2016 từ 8,2%/năm đến 8,7%/năm	Thời gian rút vốn tín dụng tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng, thời hạn thanh toán tối đa 09 tháng áp dụng cho từng lần rút vốn	14.045.123.848	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái quy định pháp luật
	Tổng cộng			104.489.406.332	

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2016 (VND)	Số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới (VND)	Mục đích vay
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây			27.156.355.026	9.231.308.000	
	HĐTD số 01/2011/HĐ ngày 17/06/2011	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	45.000.000	45.000.000	Đầu tư 01 máy ủi - Nâng cao năng lực thiết bị thi công
	HĐTD số 02/2011/HĐ ngày 07/10/2011 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	495.000.000	495.000.000	Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2011
	HĐTD số 01/2012/HĐ ngày 26/06/2012	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	200.000.000	200.000.000	Đầu tư cho dự án đầu tư xe máy thiết bị năm 2012 - Giai đoạn 1
	HĐTD số 02/2012/HĐ ngày 29/10/2012 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	2.837.287.776	2.200.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2012 - Giai đoạn I
	HĐTD số 02/2014/283367/HĐTD ngày 18/09/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	949.000.000	292.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 3
	HĐTD số 03/2014/283367/HĐTD ngày 20/11/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	2.935.100.000	838.600.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 5
	HĐTD số 04/2014/283367/HĐTD ngày 20/12/2014 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	5.070.000.000	1.440.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 6
	HĐTD số 01/2015/283367/HĐTD ngày 02/02/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	662.000.000	192.000.000	Mua xe ô tô BMW 320i
	HĐTD số 02/2015/283367/HĐTD ngày 05/03/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	1.332.499.250	355.332.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 7

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2016 (VND)	Số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới (VND)	Mục đích vay
	HĐTD số 02/2015/283367/HĐTD ngày 11/08/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	9.860.000.000	2.320.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015
	HĐTD số 03/2015/283367/HĐTD ngày 28/09/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	2.540.468.000	761.376.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015 - Giai đoạn 2
	HĐTD số 05/2015/283367/HĐTD ngày 16/11/2015 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	230.000.000	92.000.000	Thanh toán tiền mua máy phát điện 375 KVA, và 60 KVA.
4	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh			19.575.850.000	4.558.200.000	
	HĐTD số DAH-HĐCTD/14082 ngày 22/09/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	396.500.000	122.000.000	Thanh toán một phần tiền mua xe Ranger Wildtrak 3.2
	HĐTD số DAH-HĐCTD/14084 ngày 10/10/2014 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	934.100.000	287.200.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 3
	HĐTD số DAH-HĐCTD/14102 ngày 24/10/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	42 tháng	1.009.750.000	577.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 4
	HĐTD số DAH-HĐCTD/14108 ngày 24/10/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	42 tháng	423.500.000	208.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 5
	HĐTD số 15189/TH.HĐTD.DAH ngày 26/08/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	750.000.000	176.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015 - Giai đoạn 1

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2016 (VND)	Số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới (VND)	Mục đích vay
	HĐTD 16135/TH/HĐTD.DAH số ngày 30/5/2016	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	4.109.000.000	-	Thanh toán tiền mua máy khoan đá Furukawa và một phần máy khoan khác
	HĐTD từng lần số 16008/TH/HĐTD.DAH ngày 19/02/2016	Được quy định trong từng thời kỳ	48 tháng	11.953.000.000	3.188.000.000	Bù đắp tiền mua máy móc, thiết bị phương tiện vận tải đã đầu tư để nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015
	Tổng cộng			46.732.205.026	13.789.508.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	124.969.290.000	982.166.000	6.050.945.031	24.364.189.501	-	156.366.590.532
Tăng vốn trong kỳ trước	245.030.710.000	-	-	-	-	245.030.710.000
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	9.487.250.193	-	9.487.250.193
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.141.142.028	(3.211.713.042)	-	(1.070.571.014)
Tạm ứng thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	(704.900.000)	-	(704.900.000)
Số dư cuối kỳ trước	370.000.000.000	982.166.000	8.192.087.059	29.934.826.652	-	409.109.079.711
Số dư đầu năm nay	370.000.000.000	982.166.000	8.192.087.059	48.166.320.441	61.057.824.009	488.398.397.509
Lãi trong kỳ này	-	-	-	13.132.721.174	1.749.295.262	14.882.016.436
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.034.280.021	(1.585.896.032)	(529.984.011)	(1.081.600.022)
Tạm ứng tiền thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	(162.901.958)	-	(162.901.958)
Giảm khác (*)	-	-	-	(140.148.000)	(134.652.000)	(274.800.000)
Số dư cuối kỳ này	370.000.000.000	982.166.000	9.226.367.080	59.410.095.625	62.142.483.260	501.761.111.965

(*) Giảm khác bao gồm thù lao Hội đồng quản trị không chuyên trách và chi phí họp Đại hội đồng cổ đông tại Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 30/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2016, Công ty mẹ công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Số tiền
	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.680.852.988
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách	700.200.000
Lợi nhuận phân phối	16.980.652.988
Lợi nhuận còn lại chưa chia các năm trước	19.977.576.459
Tổng lợi nhuận còn lại chưa chia các năm trước	36.958.229.447
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (bằng 5% vốn điều lệ) (*)	18.500.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	18.458.229.447

(*) Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 42/2016/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 07 năm 2016 cũng đã thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 như sau:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 1.850.000 cổ phiếu.
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 18.500.000.000 đồng.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 20:1 (tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu tương ứng là 5% mệnh giá). Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ phiếu và cứ 20 quyền nhận sẽ được 01 cổ phiếu mới phát hành thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.
- Nguồn vốn thực hiện: từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 đã kiểm toán.
- Thời gian phát hành dự kiến: cuối quý II năm 2016 đến đầu quý III năm 2016.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số cổ phiếu mới phát hành được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.
- Ngày đăng ký cuối cùng: ngày 05/08/2016.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Vốn góp của các cổ đông	100,00%	370.000.000.000	100,00%	370.000.000.000
	100%	370.000.000.000	100%	370.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	370.000.000.000	370.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	370.000.000.000	124.969.290.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	245.030.710.000
- Vốn góp cuối kỳ	370.000.000.000	370.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trí,
Phường Mỹ Trí, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

d) Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.000.000	37.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.000.000	37.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	37.000.000	37.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.000.000	37.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	37.000.000	37.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.226.367.080	8.192.087.059
	9.226.367.080	8.192.087.059

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngại tệ các loại**

	30/06/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	247,42	113,92

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	2.935.110.812	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.979.048.344	2.395.985.704
Doanh thu hợp đồng xây dựng	107.020.791.698	24.302.285.343
	112.934.950.854	26.698.271.047

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.939.316.337	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.560.790.086	1.140.080.484
Giá vốn hợp đồng xây dựng	87.723.287.705	21.567.499.879
	91.223.394.128	22.707.580.363

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.055.115.707	213.618.997
Lãi bán các khoản đầu tư	45.681.856.384	22.373.906.010
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.741.422.500	1.523.400.000
	54.478.394.591	24.110.925.007

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
Phường Mỹ Tri, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	11.542.434.087	1.160.570.672
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	19.077.355.221	169.479.106
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	107.766.258	-
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(4.776.581.245)	16.014.616.248
Chi phí tài chính khác	1.195.168.898	-
	27.146.143.219	17.344.666.026

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.191.064.734	536.136.984
Chi phí nhân công	7.430.008.409	2.894.124.830
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.067.431.512	352.871.730
Thuế, phí, lệ phí	277.374.953	151.487.167
Chi phí dự phòng	14.483.707.325	454.803.335
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.875.614.918	479.419.557
Chi phí khác bằng tiền	2.826.910.464	1.287.528.366
	32.152.112.315	6.156.371.969

28 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	7.411.325.966
Thu nhập từ cho thuê văn phòng và tiền điện	488.422.561	-
Tiền hoàn thuế đất	453.793.139	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	512.783.432
Thu nhập khác	252.813.773	2.152
	1.195.029.473	7.924.111.550

29 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí thanh lý công cụ dụng cụ	-	231.454.911
Các khoản bị phạt	359.619.246	34.550.488
Chi phí cho thuê văn phòng và tiền điện	470.937.598	-
Chi phí khác	-	12.270.730
	830.556.844	278.276.129

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	2.327.083.576	2.685.636.089
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.327.083.576	2.685.636.089
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	10.712.145.991	7.199.435.408
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(7.205.230.516)	(4.070.445.695)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	5.833.999.051	5.814.625.802

31 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	22%	22%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.976.163.723	2.929.095.323
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	2.976.163.723	2.929.095.323

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	47.068.400	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	47.068.400	-

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Lợi nhuận sau thuế	13.132.721.174	9.487.250.193
Các khoản điều chỉnh	-	(474.362.510)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	-	(474.362.510)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	13.132.721.174	9.012.887.683
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	37.000.000	18.214.312
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	355	495

Kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2015, Công ty dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên tỷ lệ trích lập lợi nhuận sau thuế năm 2014. Kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2016, Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên lợi nhuận sau thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Đình,
Phường Mỹ Đình, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.730.318.636	16.411.111.364
Chi phí nhân công	10.939.658.267	13.927.656.301
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.688.448.531	2.223.724.714
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.290.347.364	5.052.732.254
Chi phí khác bằng tiền	10.586.139.559	3.007.815.687
Chi phí trích lập dự phòng	14.483.707.325	-
	141.718.619.682	40.623.040.320

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán	
		30/06/2016	01/01/2016
		Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.659.167.093	-	32.717.881.915
Phải thu khách hàng, phải thu khác	175.642.285.217	(19.512.573.405)	265.630.658.999
Các khoản cho vay	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	210.593.411.655	(4.017.728.169)	206.067.372.392
Đầu tư dài hạn	85.550.000.000	-	80.550.000.000
	542.444.863.965	(23.530.301.574)	586.965.913.306

		Giá trị sổ kế toán	
		30/06/2016	01/01/2016
		VND	VND
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ		236.221.611.358	207.992.273.226
Phải trả người bán, phải trả khác		61.035.748.952	75.655.201.116
Chi phí phải trả		1.554.335.164	3.308.567.379
		298.811.695.474	286.956.041.721

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.659.167.093	-	-	68.659.167.093
Phải thu khách hàng, phải thu khác	155.603.211.812	526.500.000	-	156.129.711.812
Các khoản cho vay	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	206.575.683.486	-	-	206.575.683.486
Đầu tư dài hạn	-	85.550.000.000	-	85.550.000.000
	432.838.062.391	86.076.500.000	-	518.914.562.391

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trí,
Phường Mỹ Trí, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.717.881.915	-	-	32.717.881.915
Phải thu khách hàng, phải thu khác	259.471.593.547	228.000.000	-	259.699.593.547
Các khoản cho vay	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	197.273.062.978	-	-	197.273.062.978
Đầu tư dài hạn	-	80.550.000.000	-	80.550.000.000
	491.462.538.440	80.778.000.000	-	572.240.538.440

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2016				
Vay và nợ	118.278.914.332	117.942.697.026	-	236.221.611.358
Phải trả người bán, phải trả khác	60.978.933.952	56.815.000	-	61.035.748.952
Chi phí phải trả	1.554.335.164	-	-	1.554.335.164
	180.812.183.448	117.999.512.026	-	298.811.695.474

Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	99.467.812.298	108.524.460.928	-	207.992.273.226
Phải trả người bán, phải trả khác	75.598.386.116	56.815.000	-	75.655.201.116
Chi phí phải trả	3.308.567.379	-	-	3.308.567.379
	178.374.765.793	108.581.275.928	-	286.956.041.721

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con là thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ liên quan đến xây lắp diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	494.700.000	431.000.000

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Quý 4 năm 2015 là kỳ đầu tiên Công ty thực hiện hợp nhất số liệu Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 và Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An nên số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét. Vì vậy, không thể so sánh số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ kỳ này với số liệu kỳ trước.

Đặng Đôn Triển

Người lập

Cao Lữ Phi Hùng

Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2016